

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 28/2023/DS-ST
Ngày: 25-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng thuê
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây

2. Bà Lê Thị Mộng Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 306/2022/TLST-DS ngày 27/12/2022 về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Tô Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Kim H, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên hệ: khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 03/02/2023). (có mặt)

- **Bị đơn:** Công ty Đ.

Địa chỉ: khu phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tạ Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch công ty kiêm giám đốc). (vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lương Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/02/2020, ông Tô Văn T có cho Công ty TNHH Đ (nay là Công ty Đ – viết tắt là Công ty Đ) thuê một xe ô tô tải biển số 14C – 008.63 để Công ty Đ chở vật liệu thi công công trình thuộc “Dự án đường Cao tốc Vân Đồn Tiên Yên – Móng Cái tại tỉnh Quảng Ninh”, đoạn qua xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên. Việc thuê xe ô tô giữa hai bên có lập hợp đồng thuê xe tại xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 01/02/2020, thời hạn thuê là đến khi hoàn thành thi công, giá thuê là 45.000.000 đồng/tháng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty Đ đã tạm ứng trước cho ông T số tiền 200.000.000 đồng và ông T đã bàn giao xe cùng toàn bộ giấy tờ cho Công ty Đ. Trong quá trình thuê xe, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ và không trả tiền thuê xe hàng tháng cho ông T như đúng cam kết trong hợp đồng.

Đến khoảng đầu năm 2022, Công ty Đ thi công xong công trình và bàn giao xe lại cho ông T. Ngày 01/02/2022, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó Công ty Đ xác nhận đã thuê xe của ông T được 24 tháng, trừ đi số tiền tạm ứng 200.000.000 đồng trước đây thì còn nợ ông T số tiền 880.000.000 đồng và hứa sẽ thanh toán cho ông T. Sau đó, ông T đã nhiều lần liên hệ tới Công ty Đ để yêu cầu thanh toán dứt điểm cho ông T số tiền trên nhưng Công ty Đ có tình né tránh và không có thiện chí thanh toán cho ông T.

Do Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông T nên ông T làm đơn khởi kiện Công ty Đ: Yêu cầu Công ty Đ thanh toán cho ông Tô Văn T số tiền nợ gốc là 880.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 03/2020 đến thời điểm xét xử là 264.000.000 đồng, tổng cộng là 1.144.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 01/02/2020, ông Tô Văn T có cho Công ty TNHH Đ (nay là Công ty Đ – viết tắt là Công ty Đ) thuê một xe ô tô tải biển số 14C – 008.63 để Công ty Đ chở vật liệu thi công công trình thuộc “Dự án đường Cao tốc Vân Đồn Tiên Yên – Móng Cái tại tỉnh Quảng Ninh”, đoạn qua xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên. Việc thuê xe ô tô giữa hai bên thì bà T có chứng kiến ông T và bên thuê lập hợp đồng thuê xe vào ngày 01/02/2020 tại xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, thời hạn thuê là đến khi hoàn thành thi công, giá thuê là 45.000.000 đồng/tháng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty Đ đã tạm ứng trước cho ông T số tiền 200.000.000 đồng và ông T đã bàn giao xe cùng toàn bộ giấy tờ cho Công ty Đ.

Đến đầu năm 2022, Công ty Đ thi công xong công trình và bàn giao xe lại cho ông T. Ngày 01/02/2022, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó Công ty Đ xác nhận đã thuê xe của ông T được 24 tháng, trừ đi số tiền tạm ứng 200.000.000 đồng trước đây thì còn nợ ông T số tiền 880.000.000 đồng và hứa

sẽ thanh toán cho ông T. Sau đó, ông T đã nhiều lần liên hệ tới Công ty Đ để yêu cầu thanh toán dứt điểm cho ông T số tiền trên nhưng Công ty Đ cố tình né tránh và không có thiện chí thanh toán cho ông T. Do đó, bà T thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Đ theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 119/ĐKKD ngày 23/02/2023 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định Công ty Đ đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại khu phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Tạ Văn C. Công ty Đ chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, chia tách, sáp nhập, giải thể.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Đ thanh toán lãi chậm thanh toán từ tháng 3/2020 đến ngày 31/01/2022 với số tiền 155.500.000 đồng, chỉ yêu cầu Công ty Đ thanh toán số tiền nợ gốc là 880.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 01/02/2022 đến thời điểm xét xử là 108.500.000 đồng, tổng cộng là 988.500.000 đồng. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Tô Văn T khởi kiện yêu cầu Công ty Đ thanh toán tiền thuê xe và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ hợp đồng thuê xe giữa hai bên. Bị đơn Công ty Đ có trụ sở tại thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Bị đơn Công ty Đ đã được triệu tập theo đúng quy định nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị T vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu của các đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Đ thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 3/2020 đến ngày 31/01/2022. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về số tiền thuê: Xét thấy, ngày 01/02/2020, giữa ông Tô Văn T và Công ty TNHH MTV Đại Hoàng Phúc (nay là Công ty Đ) xác lập Hợp đồng thuê xe, theo đó, ông T cho Công ty Đ thuê xe ô tô tải biển số 14C-008.63 với giá 45.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê từ ngày 01/02/2020 đến khi hoàn thành thi công. Hợp đồng thuê xe giữa ông Tô Văn T và Công ty Đ thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện hợp đồng, ông T đã giao xe và Công ty Đ đã tạm ứng số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 01/02/2022, Sau khi Công ty Đ bàn giao xe cho ông T, hai bên đã xác nhận nợ theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 01/02/2022 xác định Công ty Đ còn nợ tổng số tiền là 1.080.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền tạm ứng 200.000.000 đồng thì Công ty Đ còn nợ ông T số tiền 880.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Do đó, việc ông Tô Văn T yêu cầu Công ty Đ thanh toán số tiền thuê là 880.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 481 của Bộ luật Dân sự.

[4.2] Về yêu cầu thanh toán lãi: Ông T yêu cầu Công ty Đ thanh toán tiền lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến thời điểm xét xử là 108.500.000 đồng. Xét thấy, theo nội dung hợp đồng, các bên thỏa thuận đơn giá thuê là 45.000.000 đồng/tháng nhưng không thỏa thuận cụ thể thời hạn trả tiền thuê. Nguyên đơn xác định khoảng đầu năm 2022, Công ty Đ thi công xong công trình và bàn giao xe lại cho ông T đến ngày 01/02/2022, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ. Tại khoản 1 Điều 481 Bộ luật Dân sự quy định: *“Bên thuê phải trả đủ tiền thuê đúng thời hạn đã thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận về thời hạn trả tiền thuê thì thời hạn trả tiền thuê được xác định theo tập quán nơi trả tiền; nếu không thể xác định được thời hạn theo tập quán thì bên thuê phải trả tiền khi trả lại tài sản thuê”*. Như vậy, do hai bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán nên Công ty Đ có nghĩa vụ trả tiền thuê khi trả lại tài sản thuê là xe ô tô cho ông T. Do đó, chỉ có cơ sở tính lãi chậm thanh toán từ thời điểm bàn giao tài sản và đối chiếu công

nợ là ngày 01/02/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 25/4/2023) là 01 năm 02 tháng 24 ngày với số mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền 108.533.000 đồng. Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả với số tiền 108.500.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng cộng số tiền Công ty Đ phải thanh toán cho ông Tô Văn T là 988.500.000 đồng.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty Đ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận tương đương với số tiền án phí là 41.655.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 472, 473, 474, 476, 481, 482 và 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn T đối với bị đơn Công ty Đ về việc yêu cầu thanh toán lãi chậm thanh toán từ tháng 3/2020 đến ngày 31/01/2022 với số tiền 155.500.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Văn T đối với bị đơn Công ty Đ về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

Buộc Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tô Văn T tổng số tiền 988.500.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 880.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 108.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Đ phải chịu số tiền 41.655.000 đồng. Hoàn trả cho ông Tô Văn T số tiền số tiền 23.160.000 đồng đã nộp theo biên lai

thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006604 ngày 26/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CC THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Trung